

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. Biên Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 425/2024/TLST – HNGĐ ngày 29/02/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Hùng M, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: ..., khu phố 2, phường L B, thành phố B H, tỉnh Đ N.

Địa chỉ liên hệ: ..., Chung cư S A, phường T H, thành phố B H, tỉnh Đ N.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú hiện nay: ..., khu phố 2, phường L B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông M và bà T đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – ông Phạm Hùng M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri,

tỉnh Bến Tre trên cơ sở cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã lẫn nhau. Do không thể tìm được tiếng nói chung nên ông và bà T đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn ông xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và tạm thời không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai ngày 6/3/2024, bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hùng M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre trên cơ sở cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, gia đình không môn đăng hộ đối. Do không thể tìm được tiếng nói chung nên bà và ông M đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà và ông M cũng không nói chuyện hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn để trả tự do cho nhau thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn bà đồng ý giao cháu Th cho ông M xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà yêu cầu được thăm non con vào ngày thứ 7 hoặc chủ nhật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- + Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hùng M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ông M và bà T tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Cả ông M và bà T đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được xác định là không có.

+ Về án phí HNGĐ-ST: Ông M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T hiện cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là ông Phạm Hùng M và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Hùng M và bà Nguyễn Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre trên cơ sở cả hai tự nguyện nên căn cứ các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện xin ly hôn được với bà T. Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Ông M khởi kiện xin ly hôn bà T với lý do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Về phía bà T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp, gia đình không môn đăng hộ đối, không tìm được tiếng nói

chung và đã sống ly thân với ông M từ năm 2022 đến nay nên ông M ly hôn để trả tự do cho nhau thì bà cũng đồng ý.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà T là có thật và đã thật sự trầm trọng có nứu kéo cũng không mang lại hạnh phúc vì cả hai không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Từ những phân tích, đánh giá và nhận định trên xét yêu cầu xin ly hôn của ông M với bà T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phạm Hùng M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Ông M và bà T có 01 con chung tên là Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn ông M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và tạm thời không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện tại cháu Th đang do ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân cháu Th (nay đã trên 7 tuổi) có bản tự khai trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với ông M sau khi ông M và bà T ly hôn. Ông M hiện có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà T cũng đồng ý giao cháu Th cho ông M trực tiếp, nuôi dưỡng và tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của M sau khi ly hôn, nguyện vọng của con cái và để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất con chưa thành niên khi Cha, Mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015 cho ông M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông M và bà T tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Cả ông M và bà T đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được xác định là không có.

[6] Về án phí HNGĐ-ST: Ông M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định.

[7] Lời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hùng M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 05/02/2015 cho ông Phạm Hùng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Phạm Hùng M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002556 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Ông M và bà T **vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án** hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Lan Hương

